

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HOÁ (C/O)
VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-SCT ngày / 8/2025 của Sở Công Thương)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính
1	1.014119	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI
2	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu D
3	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu E
4	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AK
5	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AJ
6	2.000303	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AI
7	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ
8	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S
9	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu X
10	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VJ
11	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VC
12	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VK
13	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu EAV
14	1.000490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu A
15	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi Mẫu B
16	1.000430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)
17	1.000398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)
18	1.003477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru
19	1.003400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ
20	1.002960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính
21	1.001298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập
22	1.001370	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế biến, khu chế xuất, khu ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa
23	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cấp sau
24	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)
25	1.003522	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giáp lưng
26	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu CPTPP
27	1.007968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AHK
28	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VN-CU
29	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu EUR.1
30	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu EUR.1 trong UKVFTA
31	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu RCEP
32	1.001274	Cấp Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ (CNM)
33	1.013642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP
34	1.013643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9
35	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
36	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN